TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2024/DS–ST
Ngày: 21/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn S

2. Bà Võ Thị M

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo C - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 475/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; Địa chỉ trụ sở: Số 108 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận H, Thành phố H1.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 58 Đường số 19, Phường 8, quận G, Thành phố H; (Có mặt)

1.2. Ông Phùng Tiến Quốc B, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 279-281-283 đường Trần Phú, Phường 8, Quận 5, Thành phố H. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1988; (Có mặt)

2.2. Bà Đặng Thị Phương Q, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trẻ Lê Đặng Quỳnh T, sinh năm 2016. Người giám hộ của trẻ Trân là:

3.1. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1988; (Có mặt)

3.2. Bà Đặng Thị Phương Q, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C, ông Phạm Ngọc H trình bày:

Ngân hàng TMCP C (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q khoản vay như sau:

1. Hợp đồng cho vay số: 151/2020-HĐCV/NHCT920-PGDBT ngày 09/10/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số: 151/2020-HĐCV-SĐBS01/NHCT920-PGDBT ngày 30/10/2020 và số 151/2020-HĐCV-SĐBS02/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020; Giấy nhận nợ ngày 30/10/2020, cụ thể: Số tiền cho vay: 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng; Mục đích vay: Nhằm thanh toán chi phí nhận tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H; thời hạn vay: 240 tháng; lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và lãi suất phạt nợ gốc quá hạn: 50% x Lãi suất cho vay trong hạn; đã được giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/10/2020.

Để đảm bảo cho hợp đồng cho vay này, ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 151/2020/HĐBĐ/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020 tại Phòng Công chứng số 5 - Thành phố H thế chấp tài sản sau: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H thuộc sở hữu của ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T , cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận G ngày 13/11/2020.

Ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là: 56.000.000 (Năm mươi sáu triệu) đồng. Sau đó, ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q không thanh toán nữa dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Do ông T và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay. Ngày 31/5/2023, Ngân hàng đã có Thông báo số 61/TB-CN5-PGDBT về việc thu hồi nợ trước hạn khoản vay quá hạn cho ông/bà Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q, trong đó ấn định thời hạn thu hồi toàn bộ khoản nợ vay nêu trên chậm nhất là ngày 05/6/2023. Tuy nhiên đến hết 05/6/2023, ông T và bà Q đã không thực hiện việc trả nợ và đến nay ông T và bà Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn.

Do ông T và bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện

yêu cầu: Buộc ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm tính tới ngày 21/5/2024 là: 4.572.496.910 (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm mười) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.944.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 590.734.101 đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.762.809 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 22/5/2024, ông T và bà Q còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh của khoản vay nêu trên cho Ngân hàng đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H thuộc sở hữu của ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận G ngày 17/11/2020.

Yêu cầu ông T và bà Q phải chịu tất cả các khoản phí liên quan đến vụ án. Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu ông T và bà Q phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn lại.

2. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020, hạn mức thẻ là 70.000.000 đồng. Số tiền ông Lê Hữu T đã giao dịch là: 67.815.743 (Sáu mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bốn mươi ba) đồng. Tuy nhiên, do ông Tvi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của hợp đồng vay nêu trên khi đến hạn nên Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay, khóa thẻ và thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa hai bên. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Ông Lê Hữu T phải thanh toán toàn bộ số nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020 tạm tính đến ngày 21/5/2024 là: 77.102.355 đồng, trong đó: Nợ gốc là 67.815.743 đồng, nợ lãi là 7.997.537 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiếm hợp đồng ngày 04/12/2020 từ ngày 24/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nợ đối với Ngân hàng TMCP C.

Bị đơn ông Lê Hữu T trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận hiện nay còn nợ số tiền như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, hiện nay không đủ khả năng trả một lần nên xin trả dần toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh. Trường hợp vi phạm thì bị đơn đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Đặng Thị Phương Q cùng là người giám hộ của người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan của trẻ Lê Đặng Quỳnh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia các buổi làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số: 151/2020-HĐCV/NHCT920-PGDBT ngày 09/10/2020, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 21/5/2024 là: 4.572.496.910 (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm mười) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.944.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 590.734.101 đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.762.809 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông T và bà Q còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp ông T và bà Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thu hồi và phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên thì ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C cho đến khi hết nợ.

Đối với khoản nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Lê Hữu T phải thanh toán toàn bộ số nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020 tạm tính đến ngày 21/5/2024 là: 77.102.355 đồng, trong đó: Nợ gốc là 67.815.743 đồng, nợ lãi là 7.997.537 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 22/5/2024 yêu cầu ông Lê Hữu T phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh cho đến ngày ông Lê Hữu T thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn ông Lê Hữu T trình bày: Bị đơn xác nhận hiện nay còn nợ số tiền như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, hiện nay không đủ khả năng trả một lần nên xin trả toàn bộ số tiền gốc và lãi mà xin được trả chậm. Trường hợp vi phạm thì bị đơn đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Đặng Thị Phương Q cùng là người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Lê Đặng Quỳnh T lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành theo quy định của pháp luật; Bị đơn bà Đặng Thị Phương Q cùng là người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Lê Đặng Quỳnh T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q phải thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 151/2020-HĐCV/NHCT920-PGDBT ngày 09/10/2020 số tiền còn nợ tính đến ngày 21/5/2024 là: 4.572.496.910 (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm mười) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.944.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 590.734.101 đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.762.809 đồng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hữu T thanh toán số tiền gốc còn nợ và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C khởi kiện bị đơn là ông Lê Hữu T, sinh năm 1988 và bà Đặng Thị Phương Q, sinh năm 1987, cùng địa chỉ: Số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho nguyên đơn. Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn là bà Đặng Thị Phương Q cùng là người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Lê Đặng Quỳnh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Đặng Thị Phương Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Lê Đặng Quỳnh T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do bà Đặng Thị Phương Q là bị đơn cùng là người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Lê Đặng Quỳnh T không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bà Q,

vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.1]. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 151/2020-HĐCV/NHCT920-PGDBT ngày 09/10/2020 đã đủ cơ sở xác định ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q được Ngân hàng TMCP C cấp tín dụng với số tiền vay là: 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng, thời hạn vay là 240 tháng, mục đích vay: Nhằm thanh toán chi phí nhận tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H; thời hạn vay: 240 tháng; lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và lãi suất phạt nợ gốc quá hạn: 50% x Lãi suất cho vay trong hạn; đã được giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/10/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 151/2020/HĐBĐ/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020 tại Phòng Công chứng số 5 - Thành phố H để thế chấp toàn bộ tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H thuộc sở hữu của ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giao cho bị đơn đầy đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kèm theo Giấy nhận nợ thể hiện trong hồ sơ. Ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc theo khoản vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên là: 56.000.000 (Năm mươi sáu triệu) đồng. Sau đó, ông T và bà Q không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nữa. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện để ông T và bà Q trả nợ nhưng đến nay ông T và bà Q vẫn chưa thanh toán. Do ông T và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, số tiền ông T và bà Q chưa thanh toán tính đến ngày 21/5/2024 là: 4.572.496.910 (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm mười) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.944.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 590.734.101 đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.762.809 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, trong Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ, các bên thỏa thuận vay dưới hình thức cho vay từng lần theo kỳ. Kỳ hạn cuối cùng của hợp đồng số: 151/2020/HĐBĐ/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020 chưa đến hạn nhưng ngày 14/6/2023 Ngân hàng đã khởi kiện ông T và bà Q yêu cầu thanh toán nợ. Căn cứ Điều 7, Điều 9 Phần 2 về các điều kiện, điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm theo hợp đồng cho vay nêu trên có nêu rõ các quyền của bên cho vay, các trường hợp chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Theo đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc, lãi đến hạn của bất kỳ khoản nợ nào thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị

đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Việc ông T và bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà Q phải trả số tiền nêu trên là có căn cứ.

Về lãi suất: Xét thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng số: 151/2020/HĐBĐ/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020 và Giấy nhận nợ ngày 30/10/2020 và Bảng kê nhận nợ vay ngày 30/10/2020 thì việc tính lãi theo chi tiết thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng cung cấp là đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ lãi tạm tính đến ngày 21/5/2024 là: nợ lãi trong hạn là: 590.734.101 đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.762.809 đồng và kể từ ngày 22/5/2024, ông T và bà Q phải tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay là có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 151/2020/HĐBĐ/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020 tại Phòng Công chứng số 5 - Thành phố H để thế chấp toàn bộ tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H thuộc sở hữu của ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T , cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020 để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp nêu trên.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2024, Hội đồng ghi nhận hiện trạng tài sản thế chấp như sau: Đối với nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H, thửa đất số 526, tờ bản đồ số 60 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T , cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020 thì hiện trạng nhà theo hoạ đồ tại trang bổ sung Giấy chứng nhận phù hợp với hiện trạng thực tế.

Theo thỏa thuận tại khoản 5.01 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp nêu trên thì khi đến hạn bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét việc ký kết Hợp đồng cho vay kèm theo Giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm đều được người có thẩm quyền của các bên ký trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Như vậy, bị đơn cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H thuộc sở hữu của ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020 để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu ông T và bà Q tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết số tiền còn lại.

Trường hợp ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và chi phí tố tụng khác cho Ngân hàng, Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T , cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020.

[2.2]. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2020 đã đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Hữu T với hạn mức sử dụng là: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, lãi suất thẻ tín dụng quốc tế là: 18.5%/năm.

Căn cứ vào Bảng tính nợ gốc, lãi khoản vay thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/5/2024 do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Từ ngày kích hoạt đến nay, ông Tđã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 67.815.743 (Sáu mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bốn mươi ba) đồng. Do ông Tđã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng cho vay nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, khóa thẻ và thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa hai bên. Tổng số tiền gốc và lãi thẻ tín dụng của ông Ttính đến ngày 21/5/2024 là: 77.102.355 đồng, trong đó, nợ gốc là: 67.815.743 đồng và lãi là: 7.997.537 đồng, phí là 1.289.075 đồng.

Xét thấy, việc ông Lê Hữu T không thanh toán tiền cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khóa thẻ và khởi kiện yêu cầu ông Lê Hữu T phải thanh toán số tiền trên là có căn cứ. Mặt khác, xét về trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản vay dưới hình thức thẻ tín dụng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Lê Hữu T có trách nhiệm trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Hữu T phải có trách nhiệm trả số tiền tính đến ngày 21/5/2024 là:

77.102.355 đồng, trong đó, nợ gốc là: 67.815.743 đồng và lãi là: 7.997.537 đồng, phí là 1.289.075 đồng, yêu cầu ông Lê Hữu T trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Lê Hữu T còn phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04/12/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 04/12/2020 cho đến ngày ông Tthanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

[4]. Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trọng, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 112.572.497 (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi bảy) đồng và ông Lê Hữu T phải chịu tiền án phí là 3.855.118 (Ba triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm mười tám) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 56.043.680 (Năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi) đồng và số tiền: 1.727.766 (Một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280, 298, 317, 322, 323, 401 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C:

1. Buộc ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tính đến ngày 21/5/2024 là: 4.572.496.910 (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm mười) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.944.000.000 (Ba tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là: 590.734.101 (Năm trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn một trăm lẻ một) đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.762.809 (Ba mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm lẻ chín) đồng. Trả một lần ngay khi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 232/6 Đường số 9, Phường 9, quận G, Thành phố H thuộc sở hữu của ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020 đã được xác lập theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 151/2020/HĐBĐ/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020 tại Phòng Công chứng số 5 - Thành phố H để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên thì ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày 22/5/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP C, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số: 151/2020-HĐCV/NHCT920-PGDBT ngày 09/10/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số: 151/2020-HĐCV-SĐBS01/NHCT920-PGDBT ngày 30/10/2020 và số 151/2020-HĐCV-SĐBS02/NHCT920-PGDBT ngày 17/11/2020; Giấy nhận nợ ngày 30/10/2020.

Ngân hàng TMCP C có nghĩa vụ hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC690156 ngày 16/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp

cho cấp cho ông Trương Quang H và bà Trần Thị Út T, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q ngày 13/11/2020 ngay khi ông T và bà Q đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ nêu trên.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Buộc ông Lê Hữu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tính đến ngày 21/5/2024 là: 77.102.355 (Bảy mươi bảy triệu một trăm lẻ hai ngàn ba trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó, nợ gốc là: 67.815.743 (Sáu mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bảy trăm bốn mươi ba) đồng và lãi là: 7.997.537 (Bảy triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi bảy) đồng, phí là 1.289.075 (Một triệu hai trăm tám mươi chín ngàn không trăm bảy mươi lăm) đồng. Trả một lần ngay khi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 22/5/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP C, ông Lê Hữu T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04/12/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 04/12/2020 cho đến ngày thi hành án xong.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là: 112.572.497 (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi bảy) đồng do bị đơn ông Lê Hữu T và bà Đặng Thị Phương Q chịu.

- Ông Lê Hữu T phải chịu tiền án phí là 3.855.118 (Ba triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm mười tám).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 56.043.680 (Năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2023/0012373 ngày 25/9/2023 và số tiền: 1.727.766 (Một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2023/0013105 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP C và ông Lê Hữu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị Phương Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền